

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS- ST

Ngày: 06-8-2018

V/v " tranh chấp hợp đồng dân sự "

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc " tranh chấp hợp đồng dân sự".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐST-DS giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Tiến P, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và chị Mạc Thị Th, sinh năm 1972

Đều ở địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

(Ông P, anh T có mặt, chị Th vắng mặt và có ủy quyền cho anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Dương Tiến P trình bày: Ông và vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th có mối quan hệ là làng xóm. Ông có làm trang trại nuôi lợn thịt bán. Vào khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2017 vợ chồng anh T có mua lợn của ông về mổ thịt kinh doanh. Hai bên chỉ mua bán bằng

miệng và thỏa thuận hình thức thanh toán mua lần nào trả lần đấy. Vợ chồng anh T mua lợn của ông làm nhiều lần và đã thanh toán tiền cho ông. Đến tháng 5 năm 2017 anh chị không mua lợn của ông nữa nên hai bên đã cùng chốt số nợ còn lại. Số tiền vợ chồng anh T còn nợ lại ông là 45.000.000 đồng. Ông và vợ chồng anh T có ghi vào giấy nhưng không thỏa thuận về lãi suất và cụ thể ngày nào trả. Từ khi chốt nợ đến nay đã nhiều lần ông đến yêu cầu anh T, chị Th phải thanh toán số nợ nhưng anh chị không trả. Nay ông yêu cầu anh chị phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ là 45.000.000 đồng theo như giấy các bên đã cùng kí nhận. Anh T, chị Th khai ông còn nợ 5.000.000 đồng tiền mua giò và thịt là không đúng. Do vậy ông yêu cầu anh chị phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ là 45.000.000 đồng và yêu cầu lãi suất theo quy định. Tuy nhiên sau đó ông chỉ yêu cầu anh T chị Th phải trả toàn bộ số tiền nợ là 45.000.000 đồng và rút yêu cầu lãi suất. Ông không đồng ý cho anh chị trả dần.

Bị đơn là chị Mạc Thị Th và anh Nguyễn Văn T trình bày: Vào khoảng năm 2017 vợ chồng anh có mua lợn của ông P về thịt để kinh doanh. Hai bên chỉ mua bán bằng miệng và cùng thỏa thuận mua lần nào trả tiền ngay lần đó. Trong quá trình mua lợn của ông P vợ chồng anh cũng đã trả tiền cho ông P, tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên anh chị vẫn chưa trả hết được. Đến tháng 5 năm 2017 anh chị không mua lợn của ông P nữa thì hai bên cùng chốt số nợ còn lại là 45.000.000 đồng. Anh chị và ông P cùng ghi vào giấy tổng số nợ còn lại nhưng không thỏa thuận cụ thể ngày nào trả và lãi suất. Nay ông P yêu cầu vợ chồng anh phải thanh toán số nợ 45.000.000 đồng anh chị xác định số nợ này là đúng. Tuy nhiên quan điểm của anh T, chị Th đầu tiên chỉ đồng ý trả cho ông P số tiền là 40.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi suất vì xác định ông P còn nợ anh chị 5.000.000 đồng tiền mua giò và thịt. Số tiền nợ này anh chị không yêu cầu phản tố và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết mà để hai bên tự đối trừ khi anh chị trả nợ cho ông P. Sau này anh chị thay đổi lại ý kiến, anh chị xác định nợ ông Dương Tiến P 45.000.000 đồng là đúng. Anh chị đồng ý trả cho ông P số tiền nợ là 45.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Tiến P vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày; bị đơn anh Nguyễn Văn T xác định số nợ 45.000.000 đồng là đúng và anh chị sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vào ngày 30/9/2018. Ông P đồng ý cho anh T và chị Th trả toàn bộ số tiền này vào ngày 30/9/2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 430; 431; 433; 434, 440; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tiến P. Chấp nhận sự thỏa thuận anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th có trách nhiệm trả số nợ 45.000.000 đồng cho ông Dương Tiến P vào ngày 30/9/2018.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa chị Mạc Thị Th vắng mặt nhưng đã có ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị Th.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2017 ông Dương Tiến P có bán cho anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th lợn thịt để anh chị kinh doanh. Hai bên thỏa thuận hợp đồng bằng miệng với phương thức thanh toán mua lần nào trả tiền ngay lần đó. Anh T và chị Th mua lợn của ông làm nhiều lần và đã thanh toán tiền cho ông. Đến tháng 5 năm 2017 anh chị không mua lợn nữa hai bên đã cùng chốt số nợ còn lại được thể hiện theo giấy ghi ông P cung cấp cho Tòa án là 45.000.000 đồng. Anh T, chị Th xác định số nợ này là đúng và đồng ý trả cho ông P. Do vậy, yêu cầu của ông Dương Tiến P là có căn cứ nên cần áp dụng các Điều 430; 431; 433; 434; 440 của Bộ luật dân sự buộc vợ chồng anh T, chị Th phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ là 45.000.000 đồng. Tại phiên tòa hai bên đã thỏa thuận anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th có trách nhiệm trả số nợ 45.000.000 đồng cho ông P vào ngày 30 tháng 9 năm 2018. Xét thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về yêu cầu lãi suất: Tại quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Dương Tiến Phẳng đã rút yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ. Ông tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ theo quy định tại các Điều 430; 431; 433; 434;440; 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147; khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tiến P. Xác định anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th còn nợ ông Dương Tiến P số tiền là 45.000.000 đồng.

2. Xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Dương Tiến P số tiền là 45.000.000 (*bốn mươi lăm triệu*) đồng vào ngày 30-9-2018. Ông P tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Mạc Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 (*hai triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng. Hoàn trả lại cho ông Dương Tiến P số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 1.150.000 (*một triệu một trăm năm mươi nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0001668 ngày 07/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nguyệt

Hội thẩm nhân dân

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Nguyệt

